

Bản án số: 175/2024/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 9 - 2024

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI LỘC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Tấn Nhật**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Kim Phụng** và bà **Nguyễn Thị Mừng**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thuỳ Trang** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Thu Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1979. Địa chỉ: **khu N, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam**. Có mặt.

- Bị đơn: ông **Đào Công L**, sinh năm 1980. Địa chỉ: **khu N, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” ngày 16/5/2024, bản tự khai của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Mỹ H** thể hiện: bà và ông **Đào Văn L1** tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại **UBND thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam**, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sinh sống tại **thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam** đến nay và đã có 02 người con chung. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không cùng chăm

sóc con chung nên thường xuyên gây gổ, bất đồng. Hiện nay, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà yêu cầu Toà án nhân dân huyện Đại Lộc giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Đào Công L.**

Về con chung: Trong quá trình chung sống từ khi kết hôn đến nay, bà và ông **Đào Công L** có chung với nhau 02 người con chung gồm các cháu: **Đào Công D**, sinh ngày 30/01/2006 và **Đào Thiên P**, sinh ngày 26/5/2016. Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Đào Thiên P** cho đến khi cháu **P** trưởng thành đủ 18 tuổi, còn đối với cháu **D** đã đủ 18 tuổi nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết. Yêu cầu ông **Đào Công L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (cháu **Đào Thiên P**) đến khi cháu **P** trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được với số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng/ 01 tháng.

*Theo bản tự khai của ông **L** có trong hồ sơ thể hiện:* Về quan hệ hôn nhân: ông và bà **H** kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn **A**, huyện **D**, tỉnh **Quảng Nam**. Đã có chung với nhau 02 người con như bà **H** khai. Hiện nay, bà **H** có yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn ông không biết vì lý do gì, không đồng ý ly hôn. Nguyện vọng của ông nếu ly hôn thì giải quyết tài sản chung trong gia đình xong và nuôi con cháu **Đào Thiên P**, ông không yêu cầu chu cấp tiền nuôi con.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn ông **Đào Công L.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: bà **H** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Khi khởi kiện bà **H** xác định bị đơn ông **L** có nơi cư trú tại địa chỉ tại: **khu N, thị trấn A, huyện D, tỉnh Quảng Nam**, bản tự khai của ông **Đào Công L** và các tài liệu hộ tịch lưu tại hồ sơ vụ án cũng thể hiện ông cư trú tại địa chỉ này. Toà án xác định đây là quan hệ pháp luật

hôn nhân gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

Ông **L** đã có bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên nội dung trình bày chưa cụ thể, Toà án đã nhiều lần triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn ông **L** không đến Toà án để giải quyết. Toà án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định nhưng tại phiên toà, ông **L** vẫn không tham gia. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà **H** và ông **L** thì thấy ông bà đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn **A** vào năm 2005. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Qua lời trình bày của các đương sự trong vụ án và kết quả xác minh thể hiện trong quá trình chung sống với nhau giữa bà **H** và ông **L** phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có sự tin tưởng, thông cảm, chia sẻ với nhau nên luôn bất hòa. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, bà **H** cương quyết ly hôn; ông **L** không tham gia các buổi hòa giải và làm việc khác tại Tòa. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **H**.

[2.2] Về quan hệ con chung: Xét nguyện vọng về nuôi con thì thấy ông **L** và bà **H** đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Đào Thiên P**, sinh ngày 26/5/2016. Hội đồng xét xử xét thấy bà **H** có công việc và thu nhập ổn định, có khả năng đảm bảo các điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **P**. Tại hồ sơ vụ án cháu **P** cũng trình bày nguyện vọng được sống cùng bà **H** nên Hội đồng xét xử giao cháu **P** cho bà **H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **H**, buộc ông **Đào Công L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu **P** mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi cháu **P** trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

[2.3] Về chia tài sản chung khi ly hôn: Các bên đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần phải chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ H ly hôn với ông Đào Công L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đào Thiên P, sinh ngày 26/5/2016 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Đào Công L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (cháu Đào Thiên P) mỗi tháng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi cháu P trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Mỹ H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng (hàng tháng), hàng tháng ông Đào Công L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chia tài sản chung khi ly hôn: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016747, lập ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/9/2024), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đại Lộc;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHA huyện Đại Lộc;
- Lưu hồ sơ + án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Tấn Nhựt

